TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 9/3/2023
V/v "tranh chấp về cấp dưỡng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Mến.

2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Trần Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp về cấp dưỡng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị G, sinh năm: 1987 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Vũ Văn D, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị G trình bày:

Bà Lê Thị G và ông Vũ Văn D đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện XM.

Theo Quyết định về con chung: Bà G và ông D có 02 con chung tên Vũ Thành T, sinh ngày 09/11/2009 và Vũ Hoàng Long B, sinh ngày: 16/3/2012. Bà G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con.

Từ ngày ly hôn đến nay bà G vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh của bà G rất khó khăn, bà G làm công nhân giày da thuộc Công Ty Vĩnh Uy. Địa chỉ: Khu công nghiệp Đất Đỏ, huyện

Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thu nhập trung bình mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) với thu nhập như trên chi phí, cho ba mẹ con thì rất khó khăn không đảm B cho các con vì các con bà G ngày một lớn, chi phí cũng ngày một nhiều hơn.

Còn ông D hiện nay đang làm nghề bia mộ, ghế đá, trụ rào, trụ điện thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Ông D làm tự do nên bà G không có bản lương cũng như tài liệu, chứng cứ gì chứng minh thu nhập của ông D để nộp cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, bà G thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Bà G yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Văn D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi cháu 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ ông D nhiều lần nhưng ông D vẫn vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D. Tại các phiên tòa ông D đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị G yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, đây là vụ án "tranh chấp về cấp dưỡng" theo quy định tại Khoản 5, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Vũ Văn D có nơi cư trú tại huyện XM theo điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Lê Thị G có đơn xin vắng mặt, ông Vũ Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt bà G, ông D là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 01/QĐST- HNGĐ ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện XM, thì về con chung: Bà G và ông D có 02 người con chung tên Vũ Thành T, sinh ngày 09/11/2009 và Vũ Hoàng Long B, sinh ngày: 16/3/2012. Bà G được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu Dĩnh phải cấp dưỡng nuôi con.

Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh của bà G rất khó khăn, bà G làm công nhân giày da thuộc Công Ty Vĩnh Uy. Địa chỉ: Khu công nghiệp Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thu nhập trung bình mỗi tháng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) với thu nhập như trên chi phí, cho ba mẹ con thì rất khó khăn không đảm B cho các con vì các con bà G ngày một lớn, chi phí cũng ngày một nhiều hơn ngoài ra bà G còn chi phí cho cuộc sống cá nhân. Tại đơn khởi kiện bà G yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.500.000đ/01 tháng, quá trình giải quyết vụ án bà G thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà G yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000đ/01 tháng. Ông D hiện nay đang làm nghề bia mộ, ghế đá, trụ rào, trụ điện thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Ông D làm tự do nên bà G không có bản lương cũng như tài liệu, chứng cứ gì chứng minh thu nhập của ông D để nộp cho Tòa án.

Kết quả xác minh tại địa phương: Bà Lê Thị G và ông Vũ Văn D có 02 con chung đang sống cùng bà G. Ông D làm nghề đá mài cho công ty tư nhân thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Tuy nhiên ông D vừa đi làm ăn tại tỉnh Gia Lai (khoảng 01 tuần cách ngày Tòa án xác minh) địa chỉ cụ thể địa phương không rõ, ông D vẫn đi đi về về để thăm gia đình. Về chi phí nuôi ăn học cho các cháu sinh năm 2019 và sinh năm 2012 tại địa phương mỗi cháu khoảng từ 3.000.000đ – 4.000.000đ, chi phí này phù hợp với bảng khai của bà G về chi tiết chi phí sinh hoạt hàng tháng của 02 cháu T và B, về thu nhập hàng tháng của ông D cũng tương đối phù hợp với lời khai của bà G.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình thì "mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng". Theo quy định của pháp luật thì mức cấp dưỡng không được thấp hơn 1/2 mức lương tối thiểu. Mức lương cơ sở hiện áp dụng tại Nghị định 38/2019/NĐ - CP ngày 09/5/2019 là 1.490.000đ/tháng. Do đó với thu nhập bình quân của ông D, cùng các điều kiện, thu nhập thực tế của bà G và nhu cầu sinh hoạt của các con chung và sinh hoạt tối thiểu của cá nhân bà G thì có cơ sở chấp nhận yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con của bà G đối với ông D là cấp dưỡng 02 con chung 1.500.000đ/tháng/cháu. Việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng, vào ngày 15 dương lịch hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Vũ Văn D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 82, 83 và Điều 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị G về việc yêu cầu ông Vũ Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Buộc ông Vũ Văn D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Vũ Thành T, sinh ngày 09/11/2009 và Vũ Hoàng Long B, sinh ngày: 16/3/2012 số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/cháu. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 dương lịch hàng tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải chịu thêm khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

Ông Vũ Văn D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị G số tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011342 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo